

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XV

Phẩm 20: PHẠM HẠNH 2

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Từ, Bi, Hỷ, Xả rồi được trụ ở địa Cực ái nhất tử. Này thiện nam! Sao địa này gọi là Cực ái, lại gọi là Nhất tử? Này thiện nam! Ví như cha mẹ thấy con yên ổn, lòng rất vui mừng. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, xem các chúng sinh đồng với con một, thấy người tu thiện thì phát sinh đại hoan hỷ. Vậy nên địa này gọi là Cực ái. Này thiện nam! Ví như cha mẹ thấy con gặp hoạn nạn thì lòng khổ não, xót thương sâu khổ không nỡ lia bỏ. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, thấy các chúng sinh bị sự ràng buộc bức thiết của phiền não, lòng sinh ra sâu khổ, lo nghĩ như lo nghĩ cho con, các lỗ chân lông trên thân đều rướm máu. Vậy nên địa này gọi là Nhất tử. Này thiện nam! Như khi người còn nhỏ nhặt lấy hòn đất, phân dơ, ngói, đá, xương khô, cành cây đặt vào trong miệng. Cha mẹ thấy thế rồi, sợ con bị hoạn nạn nên tay trái nắm lấy đầu, tay phải móc ra. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, thấy pháp thân của các chúng sinh chưa tăng trưởng, hoặc nghiệp thân, miệng, ý làm việc bất thiện. Bồ-tát thấy thế rồi bèn dùng tay trí cứu vớt ra, chẳng muốn cho chúng lưu chuyển sinh tử chịu những khổ não. Vậy nên địa này gọi là Nhất tử. Này thiện nam! Ví như đứa con thân yêu của cha mẹ bỏ đi mà chết mất. Cha mẹ sầu não nguyện cùng chết theo. Bồ-tát cũng vậy, thấy Nhất-xiển-đề đọa vào địa ngục cũng nguyện cùng sinh vào trong địa ngục. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề này khi thọ khổ, hoặc lòng sinh ra một niệm cái hối thì ta liền sẽ vì họ mà nói đủ thứ pháp khiến cho họ được sinh ra một niệm lành. Vậy nên địa này gọi là Nhất tử. Này

thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một người con. Người con ấy ngủ, thức, đi, đứng, nằm, ngồi v.v... lòng cha mẹ luôn nghĩ đến. Nếu nó có tội lỗi thì cha mẹ khéo nói dỗ dành, chẳng ghét bỏ con. Đại Bồ-tát cũng như vậy, thấy các chúng sinh rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc ở trong hàng trời, người làm các việc thiện, ác thì lòng thường nghĩ đến họ, chẳng buông bỏ họ. Nếu họ làm những điều ác nhất định chẳng sinh sân giận mà ghét bỏ họ. Vậy nên địa này lại gọi là Nhất tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng như lời Phật dạy, lời nói ấy bí mật. Trí con hôm nay cạn kiệt làm sao có thể hiểu được. Nếu Bồ-tát trụ ở địa Nhất tử có thể như vậy thì sao thuở xưa Như Lai khi làm quốc vương hành đạo Bồ-tát đã đoạn tuyệt mạng của người Bà-la-môn? Nếu Như Lai xưa được địa này thì nên hộ niệm hấn, còn nếu chẳng được thì vì nhân duyên gì mà chẳng đọa vào địa ngục? Giả sử xem tất cả chúng sinh đều bình đẳng như con đồng với La-hầu-la, thì vì sao Như Lai lại hướng về Đề-bà-đạt-đa mà nói: “Người si dại không xấu hổ, ăn nước dãi của người nhỏ ra” khiến cho ông đó nghe rồi phát sinh sân hận, dấy lên lòng bất thiện, làm chảy máu thân Phật? Đề-bà-đạt-đa tạo ác này rồi, Như Lai lại nói rằng, sẽ đọa vào địa ngục một kiếp để chịu tội. Thưa Thế Tôn! Lời nói như vậy thì làm sao đối với nghĩa này chẳng trái ngược nhau? Thưa Thế Tôn! Ông Tu-bồ-đề trụ ở địa Hư không, phạm muốn vào thành cầu xin thức ăn thức uống, trước tiên cần phải quan sát người. Nếu có người đối với mình sinh lòng ngờ vực, ganh ghét thì ông chẳng đi, thậm chí đối cùng cực cũng chẳng đi khát thực. Vì sao? Vì Tôn giả Tu-bồ-đề này luôn nghĩ: “Ta nhớ thuở xưa, ở chỗ ruộng phước đã sinh một niệm ác. Do nhân duyên này nên ta bị đọa vào địa ngục chịu đủ thứ khổ. Ta nay thà chịu đói trọn ngày chẳng ăn, nhất định chẳng khiến cho người đó đối với ta khởi lên ngờ vực mà bị đọa vào địa ngục chịu khổ não”. Ông ấy lại nghĩ: “Nếu có chúng sinh ngờ vực ta đứng thì ta sẽ trọn ngày ngồi ngay thẳng, chẳng đứng dậy. Nếu có chúng sinh ngờ vực ta ngồi thì ta sẽ trọn ngày đứng, chẳng dời chỗ. Đi, nằm cũng vậy”. Tôn giả Tu-bồ-đề này hộ chúng sinh mà còn dấy khởi lòng như vậy, huống gì

là Bồ-tát. Bồ-tát nếu được địa Nhất tử thì vì duyên gì mà Như Lai nói ra lời thô này, khiến cho các chúng sinh khởi lòng trọng ác?

–Này thiện nam! Ông nay chẳng nên nạn vấn là Phật Như Lai vì các chúng sinh tạo nhân duyên phiền não. Này thiện nam! Giả sử muôn mòng có thể uống hết biển cả, Như Lai nhất định không làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử làm cho đại địa này đều không còn màu sắc, nước thành tướng khô cứng, lửa thành tướng lạnh, gió thành tướng đứng yên, Tam bảo, Phật tánh và cả hư không trở nên tướng vô thường thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử người bị tội hủy phạm bốn trọng cấm và Nhất-xiển-đề bài báng chánh pháp mà hiện thân được thành mười lực, bốn vô sở úy, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... là thượng trụ, bất biến thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử những Bồ-tát Thập Trụ v.v... phạm bốn trọng cấm, làm Nhất-xiển-đề, bài báng chánh pháp thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử tất cả vô lượng chúng sinh đoạn diệt Phật tánh, Như Lai rớt ráo vào Bát-niết-bàn thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử ném sợi tơ có thể trói buộc được gió, răng có thể phá hoại sắt, móng có thể hủy hoại núi Tu-di thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Thà cùng rắn độc ở chung một chỗ, thà đưa hai tay mình vào miệng sư tử, thà dùng than Khư-đà-la tắm rửa thân thể chứ chẳng nên nói rằng, Như Lai Thế Tôn làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Này thiện nam! Như Lai chân thật có khả năng vì chúng sinh đoạn trừ phiền não, nhất định chẳng tạo tác nhân duyên phiền não cho họ.

Này thiện nam! Đúng như lời ông nói, Như Lai thuở xưa đã giết Bà-la-môn. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thậm chí con kiến còn chẳng giết huống gì là Bà-la-môn. Bồ-tát thường làm đủ thứ phương tiện, ban cho chúng sinh thọ mạng nhiều không lường. Này thiện nam!

Phàm cho người ăn thì tức là cho mạng sống. Khi Đại Bồ-tát hành Thí Ba-la-mật thì thường thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Tu Giới bất sát được sống lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Giới Ba-la-mật thì tức là thí cho tất cả chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Thận trọng cửa miệng, không gây tội lỗi thì được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Nhẫn Ba-la-mật, thường khuyên chúng sinh chớ sinh tư tưởng oán giận, đưa cái đúng đến người, đem sai quấy về mình, không có sự tranh tụng, được thọ mạng lâu dài. Vậy khi Bồ-tát hành Nhẫn Ba-la-mật thì đã thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Tinh cần tu thiện được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Tinh tấn Ba-la-mật, thường khuyên chúng sinh siêng tu pháp thiện, chúng sinh tu hành rồi được thọ mạng vô lượng. Vậy nên khi Bồ-tát hành Tinh tấn Ba-la-mật, đã thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Tu thâm giữ tâm thì được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Thiền Ba-la-mật thì khuyên các chúng sinh tu tâm bình đẳng. Chúng sinh tu hành rồi thì được thọ mạng lâu dài. Vậy nên khi Bồ-tát hành Thiền Ba-la-mật rồi thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Đối với các pháp thiện mà chẳng buông lung thì được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba-la-mật thì khuyên các chúng sinh đối với những pháp thiện chẳng sinh buông lung. Chúng sinh tu hành rồi thì do nhân duyên này mà được thọ mạng lâu dài. Vậy nên khi Bồ-tát hành Bát nhã Ba-la-mật rồi thì thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh nhất định không đoạt lấy mạng họ. Đây thiện nam! Ông vừa hỏi là khi giết Bà-la-môn thì ta đã được địa Nhất tử này chưa? Đây thiện nam! Khi đó ta đã được rồi. Do thương xót nên ta đoạn dứt mạng căn ông ấy, chứ chẳng phải do tâm ác. Đây thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất nặng tình yêu thương mà đứa con phạm phải pháp luật nhà nước. Khi đó cha mẹ do sợ hãi nên hoặc đuổi đi, hoặc giết chết con. Tuy có sự đuổi đi, hay giết chết nhưng không có tâm ác. Đại Bồ-tát vì hộ chánh pháp cũng như vậy, nếu có chúng sinh bài báng Đại thừa thì liền dùng roi đánh đập nghiêm trị để sửa trị họ, hoặc đoạt mạng của họ là muốn khiến cho họ đổi đời

để tuân tu pháp lành. Bồ-tát thường phải suy nghĩ thế này: “Dùng nhân duyên gì có thể khiến cho chúng sinh phát khởi tín tâm?”. Rồi theo phương tiện ấy mà cần phải làm cho họ. Những Bà-la-môn, sau khi mạng chung sinh vào địa ngục A-tỳ liền có ba ý nghĩ: Một là tự nghĩ, ta từ chỗ nào mà sinh đến đây? Liền tự biết từ trong nhân đạo đến. Hai là tự nghĩ, chỗ sinh của ta hôm nay là chỗ nào? Rồi liền tự biết chính là địa ngục A-tỳ. Ba là tự nghĩ, ta do nghiệp duyên gì mà sinh đến đây? Rồi liền tự biết do việc bài báng kinh điển Đại Thừa Phương Đăng chẳng tin nhân duyên nên bị quốc chủ giết chết mà sinh đến đây. Họ nghĩ ra việc này rồi, liền đối với kinh điển Đại Thừa Phương Đăng phát sinh lòng tin kính, tức thời mạng chung, sinh vào thế giới của Đức Như Lai Cam Lộ Cổ, ở đó thọ mạng đầy đủ mười kiếp. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên vào thuở xa xưa ta mới cho người đó mười kiếp thọ mạng. Sao gọi là giết? Đây thiện nam! Có người đào đất, cắt cỏ, chặt cây, bằm vằm xác chết, mắng chửi, đánh đập v.v... do những nghiệp duyên này có bị đọa vào địa ngục không?

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như sự hiểu biết của con về ý nghĩa lời nói của Phật thì người đó phải đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì thuở xưa Phật vì hàng Thanh văn nói pháp: “Này Tỳ-kheo! Vì tất cả chúng sinh nhân tâm ác nên đọa vào địa ngục”.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Đúng như lời ông nói. Ông nên khéo thọ trì. Đây thiện nam! Nếu nhân tâm ác mà đọa vào địa ngục thì Bồ-tát bấy giờ quả thật không có tâm ác. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh thậm chí cả trùng, kiến v.v... đều phát sinh lòng thương xót làm lợi ích. Vì sao? Vì Bồ-tát giỏi biết phương tiện nhân duyên, dùng sức phương tiện muốn khiến cho chúng sinh gieo trồng các thiện căn. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên Ta vào lúc bấy giờ, dùng phương tiện khéo léo, tuy đoạt lấy mạng của Bà-la-môn ấy mà chẳng phải tâm ác. Đây thiện nam! Theo pháp của Bà-la-môn, nếu giết loài kiến dựng đầy mười xe thì không có tội báo. Muỗi, bọ chết,

chấy, rận, mèo, chồn, sư tử, cọp, sói, gấu v.v... những loài trùng độc, thú ác và những thứ còn lại có thể làm hại chúng sinh có giết đầy mười xe và các loài quý thần, La-sát, Cửu-bàn-trà, Ca-la-phú-đơn-na làm chúng sinh điên cuồng, khô cạn cùng các loài quý thần có thể tạo tác sự nhiễu hại cho chúng sinh, cho dù có đoạt mất mạng chúng thì đều không có tội báo. Nếu có thể sám hối, nhịn ăn ba ngày thì tội ấy tiêu diệt, không còn. Nếu giết Hòa thượng, hại cha mẹ mình, nữ nhân và trâu bò thì vô số ngàn năm ở trong địa ngục. Đây thiện nam! Phật và Bồ-tát biết rằng, giết có ba bậc là hạ, trung, thượng. Bậc hạ là giết từ con kiến cho đến tất cả loài súc sinh, chỉ trừ Bồ-tát thị hiện sinh ra. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát do nhân duyên thệ nguyện thị hiện thọ thân súc sinh. Đó gọi là giết bậc hạ. Do nhân duyên giết bậc hạ nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu đủ khổ bậc hạ. Vì sao? Vì các chúng sinh có thiện căn nhỏ nhoi. Vậy nên kẻ giết chịu đủ tội báo. Đó gọi là giết bậc hạ. Giết hại bậc trung là giết từ người phạm phu cho đến A-na-hàm. Đó gọi là giết hại bậc trung. Do nhân duyên nghiệp này nên đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu đủ khổ bậc vừa. Đó gọi là giết hại bậc trung. Giết hại bậc thượng là giết từ cha mẹ cho đến A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát bất thoái chuyển. Đó gọi là giết hại bậc thượng. Do nhân duyên nghiệp này nên đọa vào trong đại địa ngục A-tỳ, chịu đủ khổ bậc thượng. Đó gọi là giết hại bậc thượng. Đây thiện nam! Nếu có người có thể giết Nhất-xiển-đề thì chẳng đọa vào trong ba thứ giết hại này. Đây thiện nam! Những Bà-la-môn đó v.v... tất cả đều là Nhất-xiển-đề. Ví như đào đất, cắt cỏ, chặt cây, bằm vằm xác chết, mắng chửi, đánh đập v.v... không có tội báo. Giết Nhất-xiển-đề cũng như vậy, không có tội báo. Vì sao? Vì các Bà-la-môn thậm chí không có niềm tin vào năm pháp. Vậy nên tuy giết họ nhưng chẳng đọa vào địa ngục.

Này thiện nam! Trước đây ông hỏi vì sao Đức Như Lai mắng Đề-bà-đạt-đa là người ngu si ăn nước dãi. Ông cũng chẳng nên hỏi câu hỏi như vậy. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn, phạm lời nói ra đều chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Hoặc có lời nói chân thật vì sự yêu thương thế gian mà chẳng phải lúc, chẳng phải pháp, chẳng vì lợi ích thì lời nói như vậy Ta nhất định chẳng nói. Đây thiện nam!

Hoặc lại có lời nói thô ác hư vọng, chẳng phải lúc, chẳng phải pháp mà người nghe chẳng yêu thương, chẳng thể lợi ích thì ta cũng chẳng nói. Nay thiện nam! Nếu có lời nói tuy thô nhưng chân thật, chẳng hư vọng, đúng lúc, đúng pháp, có thể làm cho tất cả chúng sinh được lợi ích, người nghe tuy chẳng vui lòng nhưng ta cần phải nói. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn Ứng Cúng Chánh Biến Tri biết phương tiện. Nay thiện nam! Như Ta có một thuở, du hành trong khu rừng ở xóm làng Khoáng Dã. Tại khu rừng ấy, có một quỷ thần tên là Khoáng Dã thuần ăn máu thịt, giết hại nhiều chúng sinh. Nó lại ở tại xóm làng ấy mỗi ngày ăn thịt một người. Nay thiện nam! Vào lúc đó, Ta vì quỷ thần kia rộng nói pháp chính yếu, nhưng quỷ thần bạo ác ngu si vô trí đó chẳng thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân làm quỷ đại lực lay động cung điện của con quỷ ấy khiến cho chỗ ở chẳng yên. Con quỷ đó liền đem quyến thuộc của nó ra khỏi cung điện, muốn đến chống trả lại. Quỷ thấy Ta, tức thời mất hồn, sợ hãi ngã lăn ra đất mê man bất tỉnh giống như người chết. Ta dùng tay từ bi xoa lên thân quỷ ấy, quỷ liền ngồi dậy mà nói như vậy: “Vui thay! Hôm nay ta được sống lại. Vị đại thần vương này đủ uy đức lớn, có lòng từ bi xả bỏ tội lỗi của ta”. Quỷ ấy liền đối với Ta phát sinh lòng tin thiện. Ta liền trở lại thân Như Lai, rồi vì quỷ ấy nói đủ thứ pháp chính yếu khiến cho quỷ thần đó thọ giới không sát sinh. Vào ngày đó, trong thôn Khoáng Dã có một ông trưởng giả theo thứ tự đáng lẽ phải chết, người trong thôn đã đưa đến giao cho quỷ thần đó. Quỷ thần nhận rồi liền đem giao cho Ta. Ta đã nhận rồi liền vì ông trưởng giả đặt lại tên là Thủ Trưởng Giả. Bấy giờ, quỷ kia liền bạch với Ta: “Bạch Thế Tôn! Con và quyến thuộc chỉ trông chờ vào máu thịt để tự sống còn. Nay đã thọ giới thì nên phải sống ra sao?”. Ta liền đáp: “Từ nay Ta sẽ bảo đệ tử Thanh văn, theo chỗ nào có tu hành pháp Phật thì đều khiến họ cho người ăn uống”. Nay thiện nam! Do nhân duyên này nên Ta vì các Tỳ-kheo chế giới như vậy: “Các ông từ nay luôn phải cho quỷ Khoáng Dã đó ăn. Nếu có trú xứ nào chẳng bố thí thì phải biết, họ chẳng phải là đệ tử của Ta mà là đồ đảng quyến thuộc của thiên ma”. Nay thiện nam! Như Lai vì muốn điều phục chúng sinh nên thị hiện đủ thứ phương tiện như vậy, chẳng phải là cố

làm cho quỷ đó sinh ra kinh sợ. Nay thiện nam! Ta cũng dùng cây đánh quỷ hộ pháp. Lại vào một thuở, trên một ngọn núi, Ta đã xô quỷ đầu dê rơi xuống núi. Lại ở trên ngọn cây Ta đánh ngã quỷ Hộ-di-hầu. Ta khiến cho voi Hộ Tài thấy năm con sư tử, sai thần Kim cương khủng bố Tát-già-ni-kiền, cũng dùng kim đâm vào thân của quỷ Tiểu Mao. Ta tuy làm như vậy nhưng cũng chẳng khiến cho những quỷ thần đó bị diệt mất. Ta chỉ muốn khiến cho những quỷ đó an trụ ở chánh pháp nên thị hiện đủ thứ phương tiện như vậy thôi. Nay thiện nam! Bây giờ, Ta thật sự chẳng nhục mạ Đề-bà-đạt-đa mà Đề-bà-đạt-đa cũng chẳng ngu si ăn nước dãi của người, cũng chẳng sinh ở trong đường ác, địa ngục A-tỳ, chịu tội một kiếp, cũng chẳng phá hoại Tăng, làm chảy máu thân Phật, cũng chẳng vi phạm bốn tội nặng, bài báng chánh pháp, kinh điển Đại thừa, chẳng phải Nhất-xiển-đề, cũng chẳng phải là Thanh văn, Phật-bích-chi. Nay thiện nam! Việc ông Đề-bà-đạt-đa quả thật chẳng phải là cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác biết được mà chỉ là sự thấy biết của chư Phật. Nay thiện nam! Vậy nên ông nay chẳng nên nạn vấn, vì nhân duyên gì Như Lai quở trách, nhục mạ Đề-bà-đạt-đa. Đối với cảnh giới của chư Phật, ông chẳng nên sinh ra lưới nghi ngờ như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như mía ngọt luôn luôn chưng nấu thì được đủ thứ vị. Con cũng như vậy, theo Phật luôn nghe nhiều sẽ được vị pháp, như là vị xuất gia, vị lìa dục, vị tịch diệt, vị đạo... Thưa Thế Tôn! Ví như vàng ròng đem nung lâu nóng chảy, tôi luyện thì trở nên sáng sạch, điều hòa, mềm mại, màu sắc sáng loáng rực rỡ, giá trị vàng ấy khó lường. Rồi sau đó nó mới là của báu quý trọng của hàng người, trời. Bạch Thế Tôn! Như Lai cũng vậy, có trịnh trọng hỏi han thì mới được nghe thấy ý nghĩa sâu xa, khiến cho hành giả thọ trì phụng tu sâu sắc, khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Rồi sau đó họ mới được sự tôn trọng, cung kính, cúng dường của hàng trời, người.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Đại Bồ-tát vì muốn tạo lợi ích cho các

chúng sinh nên thưa hỏi Như Lai về nghĩa sâu xa như vậy. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên ta theo ý ông nói về pháp Đại Thừa Phương Đẳng sâu xa bí mật đó là “Cực ái như nhất tử địa”.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ-tát tu Từ, Bi, Hỷ được địa Nhất tử thì khi tu tâm Xả lại được địa gì?

Đức Phật đáp:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông khéo biết thời, biết Ta sắp nói thì ông hỏi đến. Khi Đại Bồ-tát tu tâm Xả thì được trụ ở địa Bình đẳng không như Tôn giả Tu-bồ-đề. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở địa Bình đẳng không thì chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân tộc, bạn bè, kẻ oán người thân cho đến chẳng thấy ấm, giới, các nhập, chúng sinh, thọ mạng. Nay thiện nam! Ví như hư không không có cha mẹ, anh em, vợ con cho đến không có chúng sinh, thọ mạng. Tất cả các pháp cũng như vậy, không có cha mẹ cho đến thọ mạng. Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp cũng như vậy. Tâm Bồ-tát ấy bình đẳng như hư không kia. Vì sao? Vì Bồ-tát khéo có thể tu tập các pháp không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Không?

–Nay thiện nam! Không đó là nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không. Đại Bồ-tát quán nội không thế nào? Đại Bồ-tát này quan sát nội pháp là không. Nội pháp không này là không cha mẹ, kẻ oán, người thân, kẻ không oán không thân, chúng sinh, thọ mạng, thường, lạc, ngã, tịnh, Như Lai, Pháp, Tăng, tài vật sở hữu. Trong nội pháp này, tuy có Phật tánh mà Phật tánh đó chẳng phải nội, chẳng phải ngoại. Vì sao? Vì Phật tánh thường trụ, chẳng biến dịch. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán nội không. Ngoại không thì cũng như vậy, không có nội pháp. Nội ngoại không thì cũng như vậy. Nay thiện nam! Chỉ có Như Lai, Pháp, Tăng, Phật tánh là chẳng ở tại hai loại không. Vì sao? Vì bốn pháp như thế là thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên bốn pháp chẳng gọi là

không. Đó gọi là nội, ngoại đều không. Này thiện nam! Hữu vi không là pháp hữu vi đều là không. Đó là nội không, ngoại không, nội ngoại không; thường, lạc, ngã, tịnh không; chúng sinh, thọ mạng, Như Lai, Pháp, Tăng, đệ nhất nghĩa không; trong đó Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi. Vậy nên Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi không. Đó gọi là hữu vi không. Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát quán vô vi không? Pháp vô vi này đều là không. Đó là không, vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, ấm, giới, nhập, chúng sinh, thọ mạng, tướng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp, ngoại pháp. Trong pháp vô vi, bốn pháp: Phật v.v... chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, tánh là thiện nên chẳng phải vô vi, tánh thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đó gọi là Bồ-tát quán vô vi không. Sao gọi là Bồ-tát quán vô vi không? Đại Bồ-tát này thấy sinh tử vô vi đều là không tịch. Cái gọi không là thường, lạc, ngã, tịnh đều không tịch, không có biến dịch. Chúng sinh, thọ mạng, Tam bảo, Phật tánh và pháp vô vi cũng vậy. Đó gọi là Bồ-tát quán vô vi không. Thế nào là Bồ-tát quán tánh không? Đại Bồ-tát này quan sát bản tánh của tất cả pháp đều không. Những cái gọi là ấm, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã và vô ngã v.v... Bồ-tát quan sát tất cả các pháp như vậy mà chẳng thấy bản tánh thì đó gọi là Đại Bồ-tát quán tánh không. Thế nào là Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không? Như người không con nói rằng nhà cửa trống không. Quán không rốt ráo là không có người thân yêu. Người ngu si nói, các phương trống không. Người nghèo cũng nói, tất cả rỗng không. Các kiến chấp như vậy là hoặc không hoặc chẳng phải không. Khi Bồ-tát quan sát như người bần cùng, tất cả đều không, thì đó gọi là Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không. Thế nào là Đại Bồ-tát quán đệ nhất nghĩa không? Này thiện nam! Khi Đại Bồ-tát quan sát đệ nhất nghĩa thì thấy mắt này khi sinh không từ đâu lại và khi nó diệt cũng không đi về đâu, xưa không nay có, đã có rồi lại không, tìm kiếm thật tánh ấy thì không mất, không chủ. Như mắt, tất cả các pháp cũng như vậy. Sao gọi là đệ nhất nghĩa không? Có nghiệp có báo mà chẳng thấy tác giả, pháp không như vậy gọi là đệ nhất nghĩa không. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán đệ nhất nghĩa không. Thế nào là Đại Bồ-tát quán không không? Trong không

không này mới là chỗ mê đắm của Thanh văn, Phật-bích-chi. Đây thiện nam! Có đó, không đó thì đó gọi là không không. Đúng đó, chẳng phải đúng đó thì đó gọi là không không. Đây thiện nam! Bồ-tát Thập Trụ đối với pháp đó còn thông đạt phần ít giống như hạt bụi nhỏ, huống gì là những người khác. Đây thiện nam! Như vậy không không cũng chẳng đồng với Tam-muội Không không mà Thanh văn sở đắc. Đó gọi là Bồ-tát quán không không. Đây thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát quán đại không? Đây thiện nam! Nói đại không nghĩa pháp môn là Bát nhã Ba-la-mật. Đó gọi là đại không. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát được không như vậy thì được trụ ở địa Hư không đẳng. Đây thiện nam! Ta nay ở trong đại chúng này khi nói những nghĩa không như vậy thì có mười hằng hà sa Đại Bồ-tát liền được trụ ở địa Hư không đẳng. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở địa đó rồi thì không có tâm trở ngại, trói buộc, câu chấp, không còn mê muội đối với tất cả pháp. Do nghĩa này nên gọi là địa Hư không đẳng. Đây thiện nam! Ví như hư không đối với sắc đáng yêu chẳng sinh tham đắm, đối với sắc chẳng yêu thương chẳng sinh sân giận. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, đối với sắc đẹp, tâm xấu không sinh tham đắm hay sân giận. Đây thiện nam! Ví như hư không rộng lớn không trở ngại đều có thể dung chứa tất cả các pháp. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, rộng lớn không trở ngại đều có thể dung chứa tất cả các pháp. Do nghĩa này nên được gọi là địa Hư không đẳng.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ trong địa này, đối với tất cả pháp đều thấy, đều biết. Hoặc hành, hoặc duyên, hoặc tánh, hoặc tướng, hoặc nhân, hoặc duyên, hoặc tâm chúng sinh, hoặc căn, hoặc thiền định, hoặc thừa, hoặc thiện tri thức, hoặc trì giới cấm, hoặc bố thí v.v... những pháp như vậy, Bồ-tát đều thấy biết tất cả. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ trong địa này, biết mà chẳng thấy. Sao gọi là biết? Biết pháp tự nhin đối, gieo xuống vực sâu, nhảy vào lửa đỏ, tự rơi xuống từ núi cao, thường kiếng một chân, nằm lửa nướng thân, thường nằm trên tro đất, gai nhọn, cành bện, lá cây, cỏ xấu, phân bò, mặc áo vải thô, áo gai, đồ bỏ ở bãi tha ma rách rưới bẩn thiếu, áo vải khâm bà la, quần áo bằng rơm cỏ, da hươu nai, ăn rau,

ăn củ rễ, cặn dầu, phân trâu, rễ cây, trái cây v.v... Nếu đi xin ăn thì giới hạn một nhà. Người chủ nhà nếu nói không thì liền bỏ đi. Giả sử người chủ đó gọi lại thì nhất định chẳng quay trở lại, chẳng ăn thịt muối, năm thứ vị của sữa bò, đồ uống thường là nước trấu, nước sôi, thọ trì giới của bò, giới của chó gà trĩ, lấy tro bôi thân thể, để tóc dài làm hình tướng, dùng dê khi cúng tế, trước chú nguyện, sau giết thịt, bốn tháng thờ lửa, bảy ngày hợp gió, dùng trăm ngàn ức hoa cúng dường chư Thiên. Những ước muốn nhân những việc này mà thành tựu. Những pháp như vậy mà có thể là nhân của giải thoát vô thượng thì đó là điều không có được. Đó gọi là biết. Sao gọi là chẳng thấy? Đại Bồ-tát chẳng thấy một người tu hành pháp như vậy mà được giải thoát thì đó gọi là chẳng thấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng thấy, cũng biết. Thấy những gì? Thấy các chúng sinh làm những tà pháp đó nhất định đọa vào địa ngục thì đó gọi là thấy. Sao gọi là biết? Biết những chúng sinh từ địa ngục sinh ra ở trong loài người, nếu có thể tu hành Thí Ba-la-mật cho đến đầy đủ những Nhân Ba-la-mật thì người đó nhất định được vào Chánh giải thoát. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại cũng có thấy, cũng có biết. Sao gọi là thấy? Thấy thường, vô thường; khổ, vui; tịnh, bất tịnh; ngã, vô ngã; đó gọi là thấy. Sao gọi là biết? Biết các Đức Như Lai nhất định chẳng rớt ráo vào Niết-bàn, biết thân Như Lai là kim cương chẳng hoại, chẳng phải là thân do phiền não thành tựu, lại chẳng phải là thân xú uế tan rã. Bồ-tát cũng lại có thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại cũng có biết, cũng thấy. Sao gọi là biết? Biết chúng sinh này thành tựu tín tâm, biết chúng sinh kia cầu Đại thừa, người này thuận dòng, người kia nghịch dòng, người này chánh trụ. Bồ-tát biết chúng sinh này đã đến bờ kia, người thuận dòng gọi là người phạm phu, người nghịch dòng là từ bậc Tu-đà-hoàn cho đến Duyên giác, người Chánh trụ gọi là Bồ-tát v.v..., người đến bờ kia tức là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đó gọi là biết. Sao gọi là thấy? Đại Bồ-tát trụ ở kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa tu tâm phạm hạnh, dùng Thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sinh tạo ba nghiệp thân, miệng, ý chẳng lành nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thấy

những chúng sinh tu nghiệp thiện thì mạng chung sẽ nhất định sinh lên trời hay trong loài người, thấy có các chúng sinh từ tối vào tối, có các chúng sinh từ tối ra sáng, có chúng sinh từ sáng vào tối, có các chúng sinh từ sáng vào sáng. Đó gọi là thấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại cũng biết, cũng thấy. Đại Bồ-tát biết các chúng sinh tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ; biết người này đời nay tạo thành nghiệp ác, hoặc nhân tham dục, sân giận, ngu si, nghiệp đó nhất định ứng với việc thọ báo ở địa ngục; biết người này chỉ tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên đời hiện tại thọ báo nhẹ nhàng, chẳng đọa vào địa ngục. Sao gọi là nghiệp có thể hiện báo? Sám hối phát lồ những việc ác của mình. Sau khi đã sám hối rồi lại chẳng dám làm, thành tựu đức hổ thẹn, cúng dường Tam bảo, luôn tự quở trách. Do nhân duyên nghiệp thiện này, người đó chẳng rơi vào địa ngục mà ở đời hiện tại thọ quả báo như là đau đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, chết bất đắc kỳ tử, bị quở trách, mạ nhục, đánh đập, giam cầm đói khát, khổ khổ v.v... biết thọ những quả báo nhẹ ở đời hiện tại như vậy, đó gọi là biết. Sao gọi là thấy? Đại Bồ-tát thấy người như vậy chẳng thể tu tập thân, giới, tuệ tạo chút ít nghiệp ác, do nhân duyên nghiệp này nên thọ báo hiện tại. Người này ít ác nhưng chẳng thể sám hối, chẳng tự quở trách, chẳng sinh hổ thẹn, không có sợ sệt. Nghiệp này nếu lớn thêm thì thọ quả báo địa ngục. Đó gọi là thấy. Lại có biết mà chẳng thấy. Sao gọi là biết mà chẳng thấy? Biết các chúng sinh đều có Phật tánh, vì bị sự che phủ của các phiền não nên chẳng thể thấy được. Đó gọi là biết mà chẳng thấy. Lại có biết mà ít thấy. Đại Bồ-tát Thập Trụ v.v... biết các chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng thấy chẳng rõ ràng giống việc nhìn trong đêm tối chẳng rõ ràng. Lại cũng thấy, cũng biết, đó là chư Phật Như Lai cũng thấy, cũng biết. Lại cũng thấy, cũng biết, chẳng thấy, chẳng biết. Cũng thấy cũng biết, đó là văn tự, ngôn ngữ, nam nữ, xe cộ, bình chạu, nhà cửa, thành ấp, quần áo, ăn uống, núi sông, vườn rừng, chúng sinh, thọ mạng v.v... trong thế gian. Đó gọi là cũng biết, cũng thấy. Sao gọi là chẳng thấy, chẳng biết? Lời nói vi mật của Thánh nhân không có trai gái... cho đến vườn rừng. Đó gọi là chẳng thấy chẳng biết. Lại có biết mà chẳng thấy. Biết cái ban cho, biết chỗ cung cấp, biết kẻ thọ

nhận, biết nhân quả báo ứng, đó gọi là biết. Sao gọi là chẳng thấy? Chẳng thấy vật cho, chỗ cung cấp, người thọ nhận và cả quả báo, đó gọi là chẳng thấy cái biết của Đại Bồ-tát có tám thứ tức là cái biết bằng ngũ nhãn của Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát có thể biết như vậy được những lợi gì?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát có thể biết như thế được bốn vô ngại là pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại. Pháp vô ngại là biết tất cả pháp và tên gọi của pháp. Nghĩa vô ngại là, biết những nghĩa của tất cả pháp, có thể tùy theo tên gọi của các pháp mà tạo nghĩa. Từ vô ngại là, luận theo chữ, luận theo chính âm, luận về pháp cú, luận về biện luận ở đời. Nhạo thuyết vô ngại là, nói Đại Bồ-tát phàm có sự diễn nói thì không có chướng ngại, chẳng thể chuyển động, không sợ kinh sợ, khó có thể hàng phục. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát có thể thấy biết như vậy liền được bốn trí vô ngại. Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là Đại Bồ-tát biết cùng khắp pháp của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật. Nghĩa vô ngại là, thừa tuy có ba nhưng biết chúng quy về một, nhất định chẳng cho là có tướng sai khác. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát ở trong một pháp tạo tác đủ thứ tên, trải qua vô lượng kiếp, nói chẳng thể cùng tận. Thanh văn, Duyên giác mà có thể nói được như thế thì đó là điều không có. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát ở vô lượng kiếp, vì các chúng sinh diễn nói các pháp mà hoặc tên, hoặc nghĩa, đủ thứ sai khác, nói chẳng thể cùng tận. Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết các pháp mà chẳng chấp trước. Nghĩa vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết các nghĩa mà chẳng chấp trước. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết danh tự mà cũng chẳng chấp trước. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết nói thông suốt tối thượng như vậy mà cũng chẳng chấp trước. Vì sao? Này thiện nam! Vì nếu chấp trước thì chẳng gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng chấp trước thì chẳng biết pháp. Nếu biết pháp thì tức là chấp trước. Nếu biết pháp mà chẳng chấp trước thì không có cái để biết làm sao Như Lai nói rằng, biết pháp mà chẳng chấp trước?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phàm đã chấp trước thì chẳng gọi là vô ngại. Không có sự chấp trước mới gọi là vô ngại. Này thiện nam! Vì vậy tất cả các Bồ-tát có chấp trước thì không có vô ngại, mà nếu không có vô ngại thì chẳng gọi là Bồ-tát, phải biết người này gọi là phàm phu. Vì sao chấp trước gọi là phàm phu? Vì tất cả phàm phu chấp trước sắc cho đến chấp trước thức. Do chấp trước sắc nên sinh ra lòng tham, vì sinh lòng tham nên bị sắc trói buộc cho đến bị sự trói buộc của thức. Do bị trói buộc nên chẳng được thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, tất cả phiền não đại khổ. Vậy nên chấp trước gọi là phàm phu. Do nghĩa này nên tất cả phàm phu không có bốn vô ngại. Này thiện nam! Đại Bồ-tát đã ở trong vô lượng vô số kiếp, thấy biết pháp tướng. Do thấy biết nên biết được nghĩa của những pháp ấy. Do thấy pháp tướng và biết cả nghĩa nên ở trong sắc mà chẳng sinh chấp trước ràng buộc cho đến ở trong thức cũng như vậy. Do chẳng chấp trước nên Bồ-tát đối với sắc chẳng sinh lòng tham cho đến ở trong thức cũng chẳng sinh tham. Do không tham nên chẳng bị sự trói buộc của sắc cho đến chẳng bị sự trói buộc của thức. Do chẳng bị trói buộc nên được thoát khỏi tất cả phiền não sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, đại khổ. Do nghĩa này nên tất cả Bồ-tát được bốn vô ngại. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên Ta vì đệ tử, trong mười hai bộ loại kinh điển nói rằng chấp trước thì gọi là sự trói buộc của ma. Nếu chẳng chấp trước thì thoát khỏi sự trói buộc của ma. Ví như ở đời có người có tội thì bị vua bắt trói, người không tội thì vua chẳng bắt trói. Đại Bồ-tát cũng như vậy, có chấp trước thì bị sự trói buộc của ma, không có chấp trước thì mà chẳng thể ràng buộc. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát không có sự chấp trước.

Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là Đại Bồ-tát khéo biết danh tự, gìn giữ chẳng quên mất. Cái mà gọi là gìn giữ là, như đất, như núi, như mắt, như mây, như người, như mẹ. Tất cả các pháp cũng

như vậy. Nghĩa vô ngại là, Bồ-tát tuy biết tên gọi các pháp mà chẳng biết nghĩa. Bồ-tát đắc sự vô ngại của nghĩa thì biết nghĩa. Sao gọi là biết nghĩa? Gọi sự giữ gìn của đất là, như đất giữ gìn khắp tất cả chúng sinh và chẳng phải chúng sinh. Do nghĩa này nên gọi là sự giữ gìn của đất. Đây thiện nam! Gọi sự giữ gìn của núi là, Đại Bồ-tát khởi lên suy nghĩ thế này: “Vì sao gọi là sự giữ gìn của núi? Núi có thể giữ gìn đất khiến cho không nghiêng đổ. Vậy nên gọi là giữ gìn. Vì sao lại gọi là sự giữ gìn của mắt? Mắt có thể giữ ánh sáng nên gọi là giữ gìn. Vì sao lại gọi là sự giữ gìn của mây? Mây gọi là hơi rỗng, hơi rỗng giữ nước nên gọi là sự giữ gìn của mây. Vì sao lại gọi là sự giữ gìn của người? Vì người có thể giữ gìn pháp và cả phi pháp nên gọi là sự giữ gìn của người. Vì sao lại gọi là sự giữ gìn của mẹ? Vì mẹ có thể giữ gìn con nên gọi là sự giữ gìn của mẹ. Đại Bồ-tát biết tên gọi câu nghĩa của tất cả pháp cũng như vậy. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát dùng đủ thứ lời để diễn nói một nghĩa, cũng không có nghĩa, giống như tên gọi trai, gái, nhà cửa, xe cộ, chúng sinh v.v... Vì sao vô nghĩa? Đây thiện nam! Phạm nói nghĩa chính là cảnh giới của các Đức Phật, Bồ-tát, còn ngôn từ là cảnh giới của phạm phu. Do biết nghĩa nên được từ vô ngại. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát biết từ, biết nghĩa, nên ở trong vô lượng vô số kiếp nói từ nói nghĩa mà chẳng thể cùng tận. Đó gọi là Nhạo thuyết vô ngại. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong vô lượng vô số kiếp đã tu hành thế đế. Do đã tu hành nên biết pháp là vô ngại. Bồ-tát lại ở vô lượng vô số kiếp tu đệ nhất nghĩa đế nên được nghĩa vô ngại, cũng ở vô lượng vô số kiếp tu tập luận Tỳ-dà-la-na nên được từ vô ngại, cũng ở vô lượng vô số kiếp tu tập luận thuyết thế đế nên được nhạo thuyết vô ngại. Đây thiện nam! Thanh văn, Duyên giác nếu có được bốn vô ngại này thì đó là điều không có. Đây thiện nam! Trong chín bộ loại kinh điển Ta nói, hàng Thanh văn, Duyên giác có bốn vô ngại, nhưng hàng Thanh văn, Duyên giác thật ra không có. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát vì độ chúng sinh nên tu Bốn trí vô ngại như vậy. Hàng Duyên giác tu pháp tịch diệt, chỉ ưa ở một mình, nếu giáo hóa chúng sinh thì chỉ hiện thân thông, trọn ngày lặng thinh, không tuyên thuyết điều gì cả thì sao có Bốn trí vô ngại? Vì sao lặng thinh mà không nói điều gì? Vì Duyên

giác chẳng thể nói pháp độ người, khiến cho họ được pháp noãn, pháp đảnh, pháp nhãn, pháp thế đệ nhất, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi, và Đại Bồ-tát chẳng thể khiến cho người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Đây thiện nam! Duyên giác ra đời, thế gian không có chín bộ loại kinh điển. Vậy nên Duyên giác không có từ vô ngại và nhạo thuyết vô ngại. Đây thiện nam! Hàng Duyên giác tuy biết các pháp nhưng không có pháp vô ngại. Vì sao? Vì pháp vô ngại thì gọi là biết văn tự. Hàng Duyên giác tuy biết văn tự nhưng không có văn tự vô ngại. Vì sao? Vì họ chẳng biết hai chữ thường trụ. Vậy nên hàng Duyên giác chẳng được pháp vô ngại. Hàng Duyên giác tuy biết nghĩa nhưng không có sự vô ngại đối với nghĩa. Người chân thật biết nghĩa là, biết các chúng sinh đều có Phật tánh. Nghĩa của Phật tánh là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên hàng Duyên giác chẳng được gọi là nghĩa vô ngại. Vậy nên tất cả hàng Duyên giác không có bốn trí vô ngại. Sao gọi là hàng Thanh văn không có bốn vô ngại? Vì hàng Thanh văn không có ba thứ phương tiện khéo léo. Những gì là ba? Một là cần phải nói lời dịu dàng, sau đó mới trao truyền giáo pháp. Hai là cần phải nói lời thô tháo, sau đó mới giáo hóa. Ba là chẳng dịu dàng, chẳng thô tháo, sau đó giáo hóa. Hàng Thanh văn không có ba thứ này nên không có bốn vô ngại. Lại nữa, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết rốt ráo từ, nghĩa, không có trí tự tại biết được các cảnh giới, không có Mười lực, Bốn vô sở úy, chẳng thể rốt ráo qua được dòng sông lớn Mười hai nhân duyên; chẳng thể biết các căn lợi, độn sai khác của chúng sinh, chưa thể đoạn trừ vĩnh viễn lòng nghi hoặc hai đế, chẳng biết các loại cảnh giới sở duyên của tâm chúng sinh, chẳng thể khéo nói đệ nhất nghĩa không. Vậy nên hàng Nhị thừa không có bốn vô ngại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hàng Thanh văn, Duyên giác, tất cả không có bốn vô ngại thì sao Như Lai nói rằng, Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, Đại-mục-kiền-liên thân thông đệ nhất, Ma-ha Câu-hy-la bốn vô ngại đệ nhất? Nếu như những vị ấy không có thì vì sao Như Lai nói như vậy?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ví như sông Hằng có vô lượng nước, nước sông lớn Tân-đầu cũng vô lượng, nước sông lớn Bác-xoa cũng vô lượng, nước sông lớn Tất-đà cũng vô lượng, nước trong ao A-nậu-đạt cũng vô lượng, nước trong biển cả cũng vô lượng. Như vậy, những lượng nước tuy đồng là vô lượng, nhưng nước ấy nhiều ít thật ra chẳng bằng nhau. Bốn trí vô ngại của hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát cũng như vậy. Này thiện nam! Nếu nói ngang bằng thì đó là điều không có. Này thiện nam! Ta vì phàm phu mà nói rằng bốn trí vô ngại của Ma-ha Câu-hy-la là tối đệ nhất. Về câu hỏi của ông thì nghĩa ấy là như vậy. Này thiện nam! Hàng Thanh văn hoặc có được một vô ngại, hoặc có được hai, còn nếu đầy đủ cả bốn thì đó là điều không có.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời nói trước đây của Phật trong phẩm Phạm hạnh, Bồ-tát thấy biết được bốn vô ngại. Nếu Bồ-tát thấy biết thì không sợ đắc, cũng không có tâm nói rằng không sợ đắc. Thưa Thế Tôn! Đại Bồ-tát này thật không sợ đắc. Nếu khiến cho tâm Bồ-tát có sợ đắc thì chẳng phải là Bồ-tát mà gọi là phàm phu. Thế sao Như Lai nói rằng Bồ-tát có sợ đắc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hay thay! Hay thay! Điều Ta sắp muốn nói thì ông lại hỏi. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có sợ đắc, mà không sợ đắc thì gọi là Bốn vô ngại. Này thiện nam! Do nghĩa này nên không sợ đắc thì gọi là vô ngại. Nếu có sợ đắc thì gọi là ngại, mà có chướng ngại thì gọi là bốn điên đảo. Này thiện nam! Đại Bồ-tát không có bốn điên đảo nên được vô ngại. Vậy nên Bồ-tát gọi là vô sợ đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sợ đắc thì gọi là tuệ. Đại Bồ-tát được tuệ ấy gọi là vô sợ đắc. Có sợ đắc gọi là vô minh. Bồ-tát vĩnh viễn đoạn trừ bóng tối vô minh nên gọi là vô sợ đắc. Như vậy nên gọi Bồ-tát là vô sợ đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sợ đắc gọi là Đại Niết-bàn. Đại Bồ-tát an trụ trong Đại Niết-bàn như vậy thì chẳng thấy tánh tướng của tất cả các pháp, vậy nên Bồ-tát gọi là vô

sở đắc. Có sở đắc thì gọi là hai mươi lăm hữu, mà Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn hai mươi lăm hữu, được Đại Niết-bàn, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là Đại thừa. Đại Bồ-tát chẳng trụ các pháp nên được Đại thừa, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là đạo Thanh văn, Phật-bích-chi. Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn đạo Nhị thừa nên được Phật đạo, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là kinh Phương Đẳng. Đại Bồ-tát đọc tụng kinh như vậy nên được Đại Niết-bàn, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là mười hai bộ loại kinh điển. Việc tu hành của Bồ-tát, thuần nói kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là hư không. Thế gian không có vật gọi là hư không. Bồ-tát được Tam-muội hư không này thì không sở kiến, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là luân hồi sinh tử. Tất cả phàm phu luân hồi sinh tử nên có sở kiến. Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn tất cả sinh tử, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát không sở đắc thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Đại Bồ-tát thấy Phật tánh nên được thường, lạc, ngã, tịnh, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đại Bồ-tát đoạn trừ vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh này, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là đệ nhất nghĩa không. Đại Bồ-tát quan sát đệ nhất nghĩa không đều không sở kiến, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là năm kiến chấp. Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn năm kiến chấp này nên được đệ nhất nghĩa không, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đều không sở kiến, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là Bồ-đề của Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát vĩnh viễn đoạn dứt Bồ-đề của Nhị thừa, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Này thiện nam! Câu hỏi của ông cũng vô sở đắc, lời nói của Ta cũng vô sở đắc. Nếu nói có sở đắc là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi Thế Tôn vì con mà nói là Bồ-tát vô sở đắc thì vô lượng chúng sinh đoạn trừ tâm hữu tướng. Do việc này nên con mới dám thưa hỏi về nghĩa của vô sở đắc, khiến cho vô lượng chúng sinh như vậy v.v... lìa khỏi quyến thuộc của ma, làm đệ tử của Đức Phật.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai trước đây vì ông Thuần-đà nói kệ:

Xưa có nay không

Xưa không nay có

Pháp ba đời có

Không có điều đó.

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta vì hóa độ các chúng sinh mà nói lời đó, cũng vì Thanh văn, Phật-bích-chi mà nói lời đó, vì Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử mà nói lời đó, chứ chẳng chỉ vì một mình Thuần-đà mà nói bài kệ đó. Khi ấy Văn-thù-sư-lợi sắp hỏi Ta, Ta biết ý ông ấy nên đã vì ông ấy nói rồi. Ta đã nói xong, Văn-thù-sư-lợi liền được hiểu rõ.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Thưa Thế Tôn! Như Văn-thù-sư-lợi v.v... có bao nhiêu người để có thể rõ nghĩa này? Cúi xin Thế Tôn lại vì đại chúng phân biệt giảng nói rộng rãi.

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Nay Ta sẽ vì ông diễn bày vấn đề đó một lần nữa. Nói rằng xưa có là, Ta thuở xưa vốn có vô lượng phiền não. Do phiền não nên hiện tại không có Đại Bát Niết Bàn. Nói rằng xưa không là, vốn không Bát nhã Ba-la-mật. Do không Bát nhã Ba-la-mật nên hiện tại có đủ các phiền não kiết. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai có phiền não, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói xưa có là, Ta thuở xưa vốn có thân cha mẹ hòa hợp. Vậy nên hiện tại không có thân pháp kim cương vi diệu. Nói rằng xưa không là, thân của Ta không có ba

mười hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp nên hiện tại có đủ bốn trăm linh bốn bệnh. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại, vị lai có bệnh khổ thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta xưa vốn có vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh nên hiện tại không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nói rằng xưa không là, vốn chẳng thấy Phật tánh. Do chẳng thấy Phật tánh nên không có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai không có thường, lạc, ngã, tịnh, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, vốn có tâm phàm phu tu khổ hạnh cho là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do việc này nên hiện tại chẳng thể phá hoại bốn ma. Nói rằng xưa không là, Ta vốn không có sáu pháp Ba-la-mật. Do không có sáu pháp Ba-la-mật nên tâm phàm phu tu hành khổ hạnh, gọi là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai có khổ hạnh, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta xưa vốn có thân tạp thực. Do thân tạp thực nên hiện tại không có thân vô biên. Nói rằng xưa không là, vốn không có ba mươi bảy pháp trợ đạo. Do không có ba mươi bảy phẩm trợ đạo nên hiện tại có đủ thân tạp thực. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai có thân tạp thực, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta xưa vốn có tâm chấp trước tất cả pháp. Do việc này nên hiện tại không có định rốt ráo “Không”. Nói rằng xưa không là, Ta vốn không có nghĩa thật trung đạo. Do không có nghĩa chân thật của trung đạo nên đối với tất cả pháp có tâm chấp trước. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai nói tất cả pháp là có tướng, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta khi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác, có các đệ tử Thanh văn độn căn. Do có đệ tử Thanh văn độn căn nên chẳng được diễn nói Nhất thừa chân thật. Nói rằng xưa không là, vốn không có tướng vương trong hạng người lợi căn như Bồ-tát Ca-diếp v.v... Do không có người lợi căn như Ca-diếp v.v... nên tùy nghi dùng phương tiện khai thị ba thừa. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai hoàn toàn diễn nói pháp ba thừa, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta vốn nói rằng, sau ba tháng nữa, ở Ta-la song thọ sẽ vào Niết-bàn. Vậy nên hiện tại chẳng được nói kinh điển Phương Đẳng Đại Bát Niết Bàn. Nói rằng xưa không là, vốn không có Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v... Do không có nên hiện tại nói rằng, Như Lai vô thường. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai vô thường, thì đó là điều không có.

Này thiện nam! Như Lai vì các chúng sinh nên tuy biết các pháp nhưng nói rằng chẳng biết, tuy thấy các pháp nhưng nói rằng chẳng thấy, pháp có tướng mà nói rằng không tướng, pháp không tướng nói rằng có tướng, thật có vô thường mà nói rằng thường, thật thường mà nói rằng vô thường. Lạc, ngã, tịnh v.v... cũng như vậy. Pháp ba thừa nói rằng một thừa, pháp một thừa tùy nghi nói ba thừa, tướng lược nói rộng, tướng rộng nói lược, pháp bốn trọng nói là Thâu-lan-giá, pháp Thâu-lan-giá nói pháp bốn trọng, phạm nói chẳng phải phạm, chẳng phải phạm nói phạm, khinh tội nói trọng, trọng tội nói khinh. Vì sao? Vì Như Lai thấy rõ ràng căn của chúng sinh. Này thiện nam! Như Lai tuy nói thế nhưng nhất định không hư vọng. Vì sao? Vì lời nói hư vọng tức là tội lỗi. Như Lai đã đoạn dứt hết tất cả tội lỗi thì làm sao có lời hư vọng? Này thiện nam! Như Lai tuy lời nói không hư vọng nhưng nếu biết chúng sinh nhân nói hư vọng mà được pháp lợi thì Như Lai tùy nghi phương tiện vì họ nói. Này thiện nam! Tất cả thế đế, nếu đối với Như Lai thì tức là đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn vì đệ nhất nghĩa đế nên nói đến thế đế, cũng khiến cho chúng sinh được đệ nhất nghĩa đế. Nếu khiến cho chúng sinh chẳng được đệ nhất nghĩa đế như vậy thì các

Đức Phật nhất định chẳng tuyên nói thế đế. Nay thiện nam! Có lúc Như Lai diễn nói thế đế mà các chúng sinh gọi là Phật nói đệ nhất nghĩa đế. Có lúc diễn nói đệ nhất nghĩa đế mà các chúng sinh gọi là Phật diễn nói thế đế. Đó là cảnh giới sâu xa vi diệu của các Đức Phật, chẳng phải là đối tượng hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nay thiện nam! Ông trước chẳng nên vấn nạn, Đại Bồ-tát vô sở đắc. Bồ-tát thường đắc đệ nhất nghĩa đế thì sao nạn vấn là vô sở đắc?

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là đạo, cũng gọi là Bồ-đề, Niết-bàn. Nếu có Bồ-tát nói rằng có đắc đạo, Bồ-đề, Niết-bàn thì tức là vô thường. Vì sao? Vì pháp, nếu thường thì không thể đắc, giống như hư không thì ai có đắc. Thưa Thế Tôn! Như vật của thế gian vốn không mà nay có nên gọi là vô thường. Đạo cũng như vậy, đạo có đắc thì gọi là vô thường. Pháp, nếu thường thì không đắc, không sinh, giống như Phật tánh không đắc, không sinh. Thưa Thế Tôn! Phàm là đạo thì chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng sắc, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải có, chẳng phải không v.v... thì sao Đức Như Lai nói rằng có thể đắc Bồ-đề, Niết-bàn cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Nay thiện nam! Đạo có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Tướng Bồ-đề cũng có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Niết-bàn cũng vậy. Đạo của ngoại đạo thì gọi là vô thường. Đạo của nội đạo thì gọi là thường. Bồ-đề của Thanh văn, Duyên giác thì gọi là vô thường. Bồ-đề của các Đức Phật, Bồ-tát thì gọi là thường. Giải thoát bên ngoài thì gọi là vô thường. Giải thoát bên trong thì gọi là thường. Nay thiện nam! Đạo cùng Bồ-đề và cả Niết-bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sinh thường bị sự che phủ của vô lượng phiền não không có mắt tuệ nên chẳng thể thấy được. Nhưng các chúng sinh vì muốn thấy nên tu giới, định, tuệ. Do tu hành nên họ thấy đạo, Bồ-đề và cả Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát đắc

đạo, Bồ-đề và Niết-bàn. Tánh tướng của đạo thật chẳng sinh diệt. Do nghĩa này nên chẳng thể nắm bắt. Đây thiện nam! Đạo tuy không hình tướng để có thể thấy, có thể cân lường, có thể biết mà thật hữu dụng. Đây thiện nam! Như tâm chúng sinh tuy chẳng phải sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải thô, chẳng phải tế, chẳng phải trói, chẳng phải mở, chẳng phải là pháp có thể thấy mà cũng là có. Do nghĩa này nên Ta vì ông Tu-đạt nói, tâm trưởng giả làm chủ ngôi thành. Nếu trưởng giả chẳng hộ trì tâm thì chẳng hộ trì thân, miệng, nếu đã hộ trì tâm thì hộ trì thân, miệng. Do chẳng khéo hộ trì thân, miệng này nên khiến cho các chúng sinh rơi vào ba đường ác. Hộ trì thân, miệng thì khiến cho chúng sinh được Niết-bàn của hàng trời, người, được gọi là chân thật, nếu chẳng được thì gọi là chẳng chân thật. Đây thiện nam! Đạo cùng Bồ-đề và cả Niết-bàn cũng như vậy, cũng có, cũng thường. Như những điều ấy không thì làm sao có thể đoạn tất cả phiền não? Do những điều ấy có nên tất cả Bồ-tát tỏ rõ thấy biết. Đây thiện nam! Thấy có hai thứ, một là thấy tướng mạo, hai là thấy tỏ rõ. Sao gọi là thấy tướng mạo? Như từ xa thấy khói thì gọi là thấy lửa mà thật chẳng thấy lửa. Tuy chẳng thấy lửa nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Thấy chim hạc trong không liền nói rằng thấy nước. Tuy chẳng thấy nước nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy hoa lá liền nói thấy rễ cây. Tuy chẳng thấy rễ cây nhưng chẳng phải hư vọng. Như người xa xa thấy sừng trâu ở bờ đậu liền nói thấy trâu. Tuy chẳng thấy trâu nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy nữ nhân mang thai liền nói thấy dục. Tuy chẳng thấy dục nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy cây sinh lá liền nói thấy nước. Tuy chẳng thấy nước nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Lại như thấy mây liền nói thấy mưa. Tuy chẳng thấy mưa nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy thân nghiệp và cả khẩu nghiệp liền nói thấy tâm. Tuy chẳng thấy tâm nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Đó gọi là thấy tướng mạo. Sao gọi là thấy tỏ rõ? Như mắt thấy sắc. Đây thiện nam! Như người mắt sáng chẳng hoại, tự xem trái cây A-ma-lặc trong bàn tay. Đại Bồ-tát thấy tỏ rõ đạo, Bồ-đề, Niết-bàn cũng như vậy. Tuy thấy tướng như vậy nhưng không có tướng thấy. Đây thiện nam! Do nhân duyên này nên Ta thuở trước bảo ông Xá-lợi-phất:

“Điều mà tất cả Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người trong thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu thì chỉ có Như Lai là biết, thấy, hiểu hết và các Bồ-tát cũng như vậy. Nay Xá-lợi-phất! Điều mà thế gian thấy, biết, hiểu thì Ta cùng Bồ-tát cũng biết, thấy, hiểu. Điều mà chúng sinh thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, họ cũng chẳng tự biết là chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Còn điều mà chúng sinh thế gian biết, thấy, hiểu thì liền tự nói, ta biết, ta thấy, ta hiểu. Nay Xá-lợi-phất! Như Lai biết, thấy, hiểu tất cả mà cũng chẳng tự nói rằng, ta biết, thấy, hiểu, tất cả. Bồ-tát cũng như vậy. Vì sao? Vì giả sử Như Lai khởi tướng biết, thấy, hiểu thì phải biết đó chẳng phải là Phật Thế Tôn mà gọi là phàm phu. Bồ-tát cũng vậy”.

